# THÁI ĐỘ CỦA AUSTRALIA TRƯỚC TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ ĐÔNG DƯƠNG NĂM 1954

TRỊNH THỊ ĐỊNH*

**1. Australia và cuộc chiến của thực dân Pháp ở Đông Dương.**

Cho đến cuối năm 1949, Australia chưa quan tâm đặc biệt đến tình hình chính trị Đông Dương. Việc Pháp đưa quân tiến hành chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp được phía Australia coi là những công việc nội bộ của một thuộc địa. Tinh thần đó được thể hiện qua những tin tức về tình hình chính trị và chiến sự tại Việt Nam được đăng tải trên một số báo chí cũng như các văn bản chính thức của Chính phủ Australia. Chẳng hạn, khi Chính phủ Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ký kết Hiệp định Sơ bộ, Tạp chí *Current Notes on International Affairs* (1) của Bộ Ngoại giao Australia đưa tin: "Cao uỷ Pháp tại Đông Dương vừa ký kết một Hiệp định với những người Việt Nam theo chủ nghĩa quốc gia, bằng cách đó giải quyết ổn thoả tranh chấp trong việc quân đội Pháp có mặt tại miền Bắc Việt Nam" (2).

Theo quan điểm của Chính phủ Australia, Việt Minh được coi là một trào lưu dân tộc chủ nghĩa, trong đó những người cộng sản chia sẻ ảnh hưởng và quyền lực với các lực lượng chính trị khác (3). Như vậy, có thể thấy trong nhận thức của Australia, cho đến năm 1949 tình hình chính trị tại Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng chưa có biểu hiện đe doạ đến ổn định an ninh của Australia.

Sự lớn mạnh của cách mạng Việt Nam, những thay đổi trong tình hình chính trị quốc tế, nhất là cuộc đối đầu căng thẳng giữa hai khối Xô - Mỹ, cùng với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến lập trường của Australia đối với các vấn đề chính trị đang diễn ra ở Đông Dương. Nhìn nhận của Australia về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có sự thay đổi cơ bản. Nếu trước đây Australia xem Việt Minh như là một khuynh hướng chính trị theo chủ nghĩa quốc gia, thì đến đầu năm 1950 đã thay đổi quan niệm khi cho đó là một "tổ chức chính thống như một chính thể cộng sản" (4). Mọi hoạt động và những thắng lợi quân sự của Việt Minh được Australia nhìn nhận là có sự hậu thuẫn của Liên Xô và Trung Quốc. Cũng giống như Mỹ, Australia cho rằng nếu Việt Nam rơi vào tay Liên Xô và Trung Quốc thì "Malaya, Thái Lan, Miến Điện, Indonesia sẽ là những mục tiêu tiếp theo của những hoạt động của cộng sản". Australia tự coi mình nằm ở vị trí cuối cùng của dãy cờ Domino, do đó cũng sẽ bị đe doạ nếu những người cộng sản thắng lợi ở Đông Dương (5).

*TS. Trường Đại học Khoa học Huế.

Xuất phát từ nhận thức về nguy cơ đối với an ninh ổn định của chính mình như đã nói trên, Australia đề cao vai trò và sự ủng hộ của Mỹ đối với Pháp trong cuộc đối đầu mang tính chất ý thức hệ đang diễn ra ở Đông Dương. Bản thân Australia đứng về phía Pháp, ủng hộ và viện trợ kinh tế cho Pháp trong cuộc chiến đó, tuy quy mô và số lượng không đáng kể (6).

Sau khi Pháp trao quyền tự trị cho ba Chính phủ liên hiệp (Associate Governments) ở Đông Dương vào tháng 12 năm 1949, Chính phủ Australia nhanh chóng công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với các chính phủ trên vào ngày 8 tháng 2 năm 1950. Nhiều hoạt động viếng thăm ngoại giao và làm việc với các chính thể thân Pháp được Australia tiến hành trong thời gian này. Ví dụ, Richard Casey, Bộ trưởng Ngoại giao Australia đã đến làm việc với Chính phủ của Quốc trưởng Bảo Đại năm 1951. Tin tức, tình hình chiến sự tại Đông Dương xuất hiện thường xuyên trong các thông báo của Bộ Ngoại giao, và còn được đề cập trong các bài phát biểu của Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao. Những động thái trên cho thấy Australia đã có nhận thức khác về tầm quan trọng cũng như ảnh hưởng to lớn trước những biến chuyển chính trị ở Đông Dương. Như một lẽ tất yếu của bối cảnh Chiến tranh lạnh, họ đứng về phía các thế lực phù hợp với họ trong cuộc đối đầu ý thức hệ đang diễn ra tại Đông Dương.

Những thất bại nặng nề và liên tục của quân đội viễn chinh Pháp trên toàn bộ chiến trường Đông Dương là mối quan tâm của Australia, bởi vì: "Đông Dương chỉ cách Darwin một khoảng cách đúng bằng từ Perth (Thủ phủ bang Tây Australia) đến Brisbane (Thủ phủ bang Queensland)" (7). Tuy nhiên, mặc dù rất lo ngại về "nguy cơ cộng sản", nhưng khi đánh giá về nguyên nhân thất bại của thực dân Pháp, chính giới Australia vẫn tỏ ra có cái nhìn toàn diện và tương đối khách quan. Ví dụ trong bài phát biểu tại Hạ viện sau thất bại của Pháp ở cứ điểm Điện Biên Phủ, Ngoại trưởng Australia Casey cho rằng tình hình chiến sự tại Đông Dương tháng 4 năm 1954 (khi Casey ghé Sài Gòn trên đường đến Giơnevơ) không khác mấy so với tình hình năm 1951 khi lần đầu ông đến Việt Nam (8). Đến lúc này, mặc dù đã giữ lập trường ủng hộ Pháp, nhưng chính giới Australia đã không thể có được cái nhìn lạc quan đối với tình hình chính trị tại Việt Nam. Họ phải thừa nhận lực lượng Việt Minh nhìn chung kiểm soát được tình hình. Tại Giơnevơ Việt Minh đàm phán trên thế mạnh không chỉ vì họ tạo được ưu thế trên chiến trường, mà trong suốt cuộc chiến, Việt Minh "còn có được sự trung thành về mặt chính trị của phần lớn người Việt Nam".

Giới lãnh đạo Australia cũng phải thừa nhận thực tế "người Pháp chưa bao giờ xác lập lại được quyền kiểm soát của mình đối với Việt Nam kể từ khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc", bởi vì "không nhiều người Việt Nam tin là họ có thể hợp tác với người Pháp để giành lại độc lập cho dân tộc mình", kể cả khi thực dân Pháp trao quyền tự trị cho các Chính phủ liên hiệp Đông Dương.

Về Việt Minh, giới lãnh đạo Australia nhận thấy Việt Minh có lợi thế hơn hẳn vì "họ xuất phát từ lợi ích dân tộc và tinh thần dân tộc chủ nghĩa". Việc phân tích so sánh lợi thế giữa thực dân Pháp và Việt Minh trong cuộc chiến của chính giới Australia như trên thực tế là một sự xác nhận về tính chất cuộc chiến cho mỗi phía.

Với nhìn nhận thực tế và tương đối khách quan về tính chất cuộc chiến, Australia cho rằng người Pháp không bao giờ thành công trong việc tập hợp người

Việt Nam chống lại nền độc lập của chính họ. Australia thấy rằng "một mình người Pháp không thể nào đạt được một ưu thế quân sự để đánh bại Việt Nam", nhưng đồng thời cũng cho rằng "Thật khó thấy một sự can thiệp quân sự từ bên ngoài nào có thể thành công khi thái độ của đa phần người Việt Nam như trên" (9).

Như vậy, mặc dù thể hiện tinh thần cương quyết chống cộng, lo sợ về "một nguy cơ cộng sản" và luôn giữ lập trường ủng hộ các thế lực đế quốc trong cuộc đối đầu ở Đông Dương, song nhìn nhận của Australia về cuộc chiến Đông Dương của thực dân Pháp nhìn chung vẫn đi vào thực chất: Việt Minh được sự ủng hộ của đa số nhân dân Việt Nam đang tiến hành cuộc chiến tranh chính nghĩa vì nền độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia; Cuộc chiến do thực dân Pháp thực hiện là cuộc chiến phi nghĩa, chà đạp lên khát vọng hoà bình, độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia của nhân dân Việt Nam; Kết cục thảm bại của thực dân Pháp gần như là một hệ quả tất yếu.

## 2. Lập trường của Australia về giải pháp cho cuộc chiến Đông Dương.

Sau những thất bại liên tục và nặng nề trên chiến trường, tháng 5 năm 1953, Chính phủ Pháp cử tướng Navarre sang Đông Dương nhằm tìm giải pháp đưa Pháp ra khỏi tình trạng sa lầy ở đây. Navarre đề ra kế hoạch trong vòng 18 tháng phải đạt được một thắng lợi quân sự, tạo thế cho Pháp trong một giải pháp chính trị có lợi. Nhưng sau hơn nửa năm thực hiện kế hoạch Navarre, thực dân Pháp không thể giành lại được thế chủ động mặc dù đã có sự hậu thuẫn đắc lực của Mỹ. Pháp ngày càng lún sâu vào bãi lầy của cuộc chiến Đông Dương.

Từ cuối năm 1953, Navarre tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành cứ điểm quân sự lợi hại nhằm yểm trợ cho Lai Châu, bảo vệ Thượng Lào. Đây là một điểm nằm ngoài kế hoạch ban đầu của Navarre. Tuy nhiên, cả điểm bổ sung mới vào kế hoạch này cũng không cứu vãn nổi tình thế cho thực dân Pháp. Ngày 13-3-1954 quân dân Việt Nam bắt đầu chiến dịch Điện Biên Phủ, để rồi kết thúc sau 56 ngày đêm với chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Do tính chất quan trọng của chiến cục tại Đông Dương, nhất là của cứ điểm Điện Biên Phủ, không chỉ Mỹ mà các nước phương Tây khác đều quan tâm đến tình hình chiến sự tại Đông Dương. Giống như các nước phương Tây, giới lãnh đạo Australia cũng rất quan tâm và lo lắng về điều đó. Khi kế hoạch Navarre được đưa ra, Tạp chí *Current Notes* của Bộ Ngoại giao Australia coi đó là "một giai đoạn mới trong chính sách quân sự của Pháp" (10). Diễn biến của tình hình chiến sự được đề cập trong các bài phát biểu và các buổi làm việc của quan chức chính phủ.

Trước những thất bại dồn dập của thực dân Pháp trên khắp chiến trường Đông Dương trong Đông-Xuân 1953-1954, đặc biệt là toàn bộ binh lực của Pháp với trên 16.000 người bị bao vây tại cứ điểm Điện Biên Phủ, Mỹ âm mưu thay chân Pháp, nhảy vào Đông Dương. Tổng thống Mỹ Eisenhower "hai lần gợi ý với Chính phủ Pháp là Mỹ sẵn sàng đưa lực lượng quân sự Mỹ can thiệp"; Lần thứ nhất vào quãng tháng 3 đầu tháng 4, lần thứ hai vào đúng tuần khai mạc Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (11). Chính phủ Mỹ cho rằng sự can thiệp quân sự là tối cần thiết vì "không có sự giúp đỡ của Mỹ, người Pháp chỉ có khả năng đàm phán kiểu "bán tháo" để thoát khỏi cuộc chiến tai tiếng" (12).

Lập trường của Mỹ về vấn đề Đông Dương được thể hiện trong *Báo cáo của Hội đồng an ninh quốc gia (National Security*

*Council Paper)* và trong Báo cáo về *Lập trường của Mỹ tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (United States Position on Indochina to be Taken at Geneva).* Ngay từ đầu Chính phủ Eisenhower đã phản đối giải pháp đàm phán, và cho rằng nếu vấn đề Đông Dương được giải quyết bằng đàm phán, lợi thế chắc chắn sẽ nghiêng về phía Việt Nam. Vì thế, không chỉ khi lực lượng Pháp tại Điện Biên Phủ còn đang cầm cự, mà kể cả sau khi cứ điểm Điện Biên Phủ của Pháp đã bị thất thủ, Chính phủ Eisenhower vẫn còn đề xuất đưa quân vào Việt Nam.

Để có thể đưa quân vào Việt Nam, Chính quyền Eisenhower cần được sự chấp thuận của Quốc hội Mỹ và sự đồng ý tham gia của các đồng minh của Mỹ, nhất là Anh. Chính quyền Eisenhower cần các đồng minh của Mỹ đồng ý tham gia vào giải pháp can thiệp quân sự ở Đông Dương không phải từ góc độ tăng cường sức mạnh quân sự mà như Eisenhower giải thích: "Sự tham gia dù chỉ là tượng trưng của lực lượng các đồng minh sẽ là hậu thuẫn về mặt tinh thần và cần cho dư luận, nếu không việc can thiệp sẽ được hiểu như một hành động dã man của chủ nghĩa đế quốc" (13).

Tuy nhiên, đề nghị đưa quân can thiệp tập thể vào Việt Nam, một hành động mà Mỹ hy vọng được sự đồng tình của các đồng minh giống như đã xảy ra ở Triều Tiên, đã không được Chính phủ Anh hưởng ứng. Phía Anh nói rõ quan điểm của mình như sau: "Chắc chắn là chúng tôi không muốn ủng hộ hành động trên". Người Anh từ chối tham gia với ba lý do: Chỉ can thiệp bằng không quân là không hiệu quả; Can thiệp quân sự sẽ làm hỏng cơ hội thoả thuận tại Giơnevơ; Và nó có khả năng dẫn đến một cuộc chiến tranh lớn ở châu Á (14).

Cũng giống như đối với các nước thuộc Liên minh Tây phương khác, tình hình chiến sự tại Đông Dương là mối quan tâm hàng đầu của chính giới Australia. Ngoại trưởng Casey nhiều lần bay sang Việt Nam, sang Giơnevơ cả trước khi Hội nghị khai mạc, trong thời gian diễn ra Hội nghị và sau khi Hội nghị kết thúc. Khi thực dân Pháp còn đang tập trung nỗ lực để đối phó, cố giữ kỳ được cứ điểm Điện Biên Phủ, Chính phủ Australia đã thấy đó là những nỗ lực vô vọng. Quan tâm của Australia đã không còn là để cứu vãn tình thế cho thực dân Pháp, vì: "Những nỗ lực quân sự lớn của Pháp đã không có kết quả và trong tương lai cũng không có vẻ gì sẽ mang lại kết quả" (15).

Tác động lâu dài từ sự thất bại của Pháp tại Đông Dương đối với vị thế và vai trò của phương Tây đối với khu vực mới là mối quan tâm chính của Australia thời gian này. "Vấn đề Đông Dương phải được coi như một phần của mục tiêu lớn hơn là giữ cho Đông Nam Á không bị cộng sản kiểm soát" (16). Liên quan đến đề nghị của Mỹ về một cuộc can thiệp quân sự tập thể vào Việt Nam, Australia có lập trường giống Anh. Ngoại trưởng Casey thay mặt Chính phủ Australia bày tỏ lập trường của Chính phủ về vấn đề trên với Dulles và Eden tại Giơnevơ như sau: "Quan điểm của Australia cho rằng một cuộc can thiệp như vậy là sai lầm vì những lý do sau đây: Cuộc can thiệp không được Liên Hiệp Quốc hậu thuẫn; Nó đặt chúng ta vào một tình thế sai trái trước dư luận quốc tế, nhất là ở châu Á; Nó sẽ lôi cuốn chúng ta vào một cuộc xung đột lớn hơn với Trung Cộng; Nó làm hỏng tiến trình đàm phán tại Giơnevơ; Và nhất là nó cũng không ngăn được sự thất thủ của cứ điểm Điện Biên Phủ" (17).

Như vậy, dù đề cao vai trò và sức mạnh quân sự của Mỹ trong việc đảm bảo an ninh cho khu vực Đông Nam Á, nhưng rõ ràng lập trường trên của Australia tỏ ra thực tế, và ở một chừng mực nhất định đã thể hiện tính độc lập trong suy xét vấn đề. Sau này, Tiến sĩ Robert O'Neil, một nhà nghiên cứu người Australia đánh giá lập trường trên của Australia như sau: "Chỉ có thể vỗ tay tán đồng lập luận của Bộ trưởng cảnh báo về hậu quả của việc Australia can thiệp vào Đông Dương" (18).

Từ chối đề nghị của Chính quyền Eisenhower vào giữa năm 1954 có nghĩa là Australia ủng hộ giải pháp đàm phán. Australia cho rằng "không một giải pháp nào có thể bền vững hoặc thành công trừ phi nó được nhân dân và các Chính phủ liên quan hậu thuẫn ủng hộ". Trong bài phát biểu về lập trường của Australia liên quan đến vấn đề Đông Dương ngày 7 tháng 6 năm 1954, Casey nhấn mạnh lại quan điểm của Australia là "vấn đề Đông Dương không thể giải quyết chỉ bằng vũ lực" (19). Tiến trình Hội nghị Giơnevơ luôn được chính giới Australia quan tâm, được đề cập đến trong các buổi làm việc của nội các và là đề tài của các bài phát biểu của Thủ tướng và Ngoại trưởng Australia thời gian này. Ngoại trưởng Casey đã có nhiều cuộc gặp gỡ với đại diện phái đoàn của Anh, Mỹ và Pháp để trao đổi về những vấn đề liên quan đến Hội nghị (20).

### 3. Tác động của Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương đối với nhận thức an ninh của Australia.

Kết quả của Hội nghị có vẻ không hoàn toàn như mong đợi của Australia, mà theo họ, nó được thoả thuận trên thế mạnh của Việt Minh và của Trung Cộng (21). Như vậy trong khi không hưởng ứng đề nghị của Mỹ, Australia lại có quan điểm gần Mỹ về kết quả của Hội nghị Giơnevơ. Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ trong cuộc họp ngày 12 tháng 8 năm 1954 kết luận "kết quả của Hội nghị là một thảm hoạ (disaster)", vì "với kết thúc có lợi cho cộng sản có thể dẫn đến việc mất toàn bộ Đông Nam Á" (22).

Phía Mỹ cho rằng vấn đề quan trọng nhất của họ đối với Đông Nam Á sau Giơnevơ "không phải là than khóc cho quá khứ, mà là đối mặt để tìm một khả năng ngăn chặn nguy cơ bành trướng của cộng sản trong tương lai đối với toàn bộ Đông Nam Á và Nam Thái Bình Dương từ việc mất Bắc Việt Nam" (23). Để ngăn chặn "nguy cơ" trên, thực chất là chống lại phong trào cách mạng châu Á, Chính quyền Eisenhower đưa ra học thuyết Domino.

Về phía Australia, sau Hội nghị Giơnevơ với việc nửa nước Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội, qua lăng kính của Chiến tranh lạnh, Australia cho rằng nguy cơ đối với an ninh và ổn định của Australia gia tăng. Tuy nhiên, Australia cũng nhận thấy rất rõ khát vọng thống nhất của nhân dân Việt Nam ở cả hai miền (24). Vì thế họ có trách nhiệm, như một đại diện của "thế giới tự do", là phải giúp đỡ tối đa theo khả năng cho miền Nam Việt Nam nhằm tạo ưu thế so với miền Bắc trong tổng tuyển cử. Viện trợ cho miền Nam Việt Nam tiếp tục được Australia thực hiện trong khuôn khổ của Kế hoạch Colombo.

Vấn đề quan tâm lớn nhất của Australia sau Giơnevơ là hình thành một cơ cấu an ninh tập thể của các nước phương Tây (hay theo cách gọi của Australia là "phòng vệ tập thể") ở Đông Nam Á. Điều này hoàn toàn phù hợp với

chính sách của Mỹ là thiết lập các khối quân sự khu vực nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của các nước xã hội chủ nghĩa.

Thực ra không phải đợi đến sau thất bại của Pháp ở Điện Biên Phủ Australia mới chú ý đề cập đến vấn đề "phòng vệ tập thể" cho Đông Nam Á. Vấn đề Australia quan tâm nhất là sự hiện diện của Mỹ và Anh ở khu vực này được coi như là một đảm bảo cho an ninh quốc phòng của Australia. Do đó, họ đề cao vai trò an ninh của Mỹ đối với Đông Nam Á, lôi cuốn sự chú ý của Mỹ đối với khu vực, bày tỏ sự ủng hộ sự hiện diện của Mỹ tại đây.

Cách nhìn nhận về môi trường an ninh, về nguy cơ đối với nền an ninh khu vực, cũng như khả năng đảm bảo an ninh cho khu vực Đông Nam Á của Australia giai đoạn này hoàn toàn xuất phát từ nhận thức về "nguy cơ cộng sản". Họ cho những thắng lợi của quân dân Việt Nam trên chiến trường, coi sự lớn mạnh của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là những dấu hiệu bành trướng của chủ nghĩa cộng sản thế giới thông qua Trung Quốc. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng khu vực, họ quan niệm "nền tự do của các quốc gia nhỏ châu Á chỉ có thể được đảm bảo bởi các cường quốc phương Tây" (25). Khi nói về vấn đề Triều Tiên và vấn đề Đông Dương vào tháng 5 năm 1953, Ngoại trưởng Australia lập luận: "Những người cộng sản, dù là ở Matxcơva hay Bắc Kinh, hay dù ở đâu khác sẽ không nói trước với chúng ta mục tiêu hay động cơ trước mắt của họ" (26).

Lo ngại về tình trạng "thiếu khả năng phòng thủ", cách xa Mỹ và Anh vốn được xem là những cái ô an ninh của mình, nên Australia luôn tỏ ra rất lo lắng trước những biến chuyển chính trị ở khu vực. "Khu vực châu Á mà tôi nói đây vô cùng quan trọng đối với an ninh của Australia", vì nó chỉ cách Darwin 2000 dặm, lại là khu vực giàu có về tài nguyên thiên nhiên (dẫn ý Ngoại trưởng Australia) (27). Với Australia, "nguy cơ xâm lược cộng sản" xuất phát chính từ hướng này (28). Do đó, trước và sau thất bại của thực dân Pháp tại Điện Biên Phủ, Australia đã nhiều lần gặp gỡ với các đồng minh trong khối ANZUS, với đại diện Chính phủ Anh để đề xuất về việc thành lập một tổ chức hiệp ước của khu vực Đông Nam Á. Australia trở thành một trong những nước ký kết Hiệp ước Manila (8-9-1954), trở thành thành viên của SEATO. Như vậy Australia là đồng minh chính thức của Mỹ trong hai tổ chức quân sự là ANZUS và SEATO.

Đồng thời để ngăn chặn nguy cơ bị tấn công, thời gian này Australia đưa ra chính sách "phòng vệ phía trước" (the Forward Defence Policy) với mục đích đưa quân ngăn chặn không để "nguy cơ cộng sản" có thể tiến đến gần biên giới Australia. *Đây là nhân tố quan trọng nhất hình thành chính sách khu vực của Australia trong suốt thời kỳ Chiến tranh lạnh*. Mackie, một nhà nghiên cứu người Australia cho rằng chính sách khu vực của Australia trong hơn ba mươi năm sau Chiến tranh thế giới thứ Hai được hoạch định dựa trên hai cơ sở, đó là "tỏ ra đứng về phía những người bạn vĩ đại và anh hùng", và "tạo cớ ràng buộc sự hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực" (29).

*

Tóm lại, thái độ của Australia đối với tình hình chính trị Đông Dương năm 1954 thể hiện lập trường ủng hộ, đứng về phía cuộc chiến tranh chống lại khát vọng hoà

bình, độc lập dân tộc của nhân dân ba nước Đông Dương do thực dân Pháp tiến hành. Trong bối cảnh mà Chiến tranh lạnh và sự đối đầu gay gắt giữa hai khối đang diễn ra quyết liệt, thái độ đó phù hợp với hệ tư tưởng của giới cầm quyền Australia lúc bấy giờ.

Mặc dù ủng hộ và đứng về phía Pháp, nhưng nhìn nhận của Australia về thực chất cuộc chiến, về nguyên nhân thất bại của Pháp ở Đông Dương tỏ ra thực tế và khách quan hơn. Australia cho rằng giải pháp đạt được tại Giơnevơ bằng đàm phán để kết thúc chiến tranh Đông Dương là đúng đắn và cực lực phản đối việc can thiệp quân sự tập thể vào Đông Dương để cứu vãn tình thế cho thực dân Pháp.

Tuy nhiên, mối quan tâm hàng đầu của Australia liên quan đến tình hình chính trị khu vực sau Hiệp định Giơnevơ là sự gia tăng ảnh hưởng của các nước xã hội chủ nghĩa đã đe doạ an ninh quốc phòng của Australia. Do đó, Australia tích cực đưa ra kế hoạch *Phòng vệ phía trước*, tham gia vào các tổ chức quân sự do Mỹ đứng đầu tại khu vực, cũng như sau này trực tiếp đưa quân tham chiến cùng Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Thái độ và hành động của Australia phản ánh phần nào tầm quan trọng của tình hình chính trị Đông Dương năm 1954 đối với khu vực và quốc tế, qua đó khẳng định thêm giá trị to lớn của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ cũng như thành công từ Hội nghị Giơnevơ của nhân dân Việt Nam.

## *CHÚ THÍCH*

(1). *Current Notes on International Affairs* (từ 1973 là *Australian Foreign Affairs Records*) là tạp chí hàng tháng do Bộ Ngoại giao Australia phát hành. Nội dung tạp chí bao gồm những tin tức về hoạt động đối ngoại của Australia, trích đăng những bài phát biểu, tuyên bố chính thức của Chính phủ Australia liên quan đến lĩnh vực đối ngoại, tin vắn về tình hình chính trị quốc tế, một số bài nghiên cứu trong lĩnh vực đối ngoại của Australia...

(2). Australia Department for External Affairs, *Current Notes on International Affairs*, Vol. 17 (1946), tr. 160.

(3), (4). Australia Department for External Affairs: Sđd, Vol. 22 (1951), tr. 265.

(5). Millar, *Australia at Peace and at War: External Relations from 1788 to 1977*, ANU, Canberra 1978, tr. 252.

(6). Về việc Australia viện trợ cho Pháp ở Việt Nam, Bộ Ngoại giao Australia thông báo trước Hạ viện. Xem: "*Development in Indochina*", *Current Notes on International Affairs,* Vol. 24 (1953), tr. 288.

(7), (8), (9). "*Indo-China Settllement*", Statement by Casey, Australian Minister for External Affairs on 26th July, 1954, *Current Notes*. Sđd, Vol. 25 (1954), tr. 469, 575, 575.

(10). Australia Department for External Affairs, *Current Notes on International Affairs*, Vol. 24 (1953), tr. 697.

(11). *The Pentagon Papers - The Secret History of the Vietnam War*, published by The New York Times, New York, 1971, tr. 10.

(12). Nguyên văn tiếng Anh "intervention might be necessary because without American help, the French were likely to negotiate "a sell-out"

at Geneva to escape an unpopular war", *The Pentagon Papers-The Secret History of the Vietnam War*, published by The *New York Times*, New York, 1971, tr. 10.

(13), (14). McTurnan Kahin and J. Lewis, *The United in Vietnam: An Analysis in Depth of the History of America's Involvement in Vietnam*, 3rd edition, New York, 1971, tr. 39, 39.

(15), (17). "South-East Asia", Statement By R. Casey, Minister for External Affairs in the House of Representatives on 18 August, 1954, *Current Notes on International Affairs*, Vol. 24 (1953), tr. 576, 576.

(16). "South-East Asia", Statement By R. Casey, Minister for External Affairs in the House of Representatives on 18 August, 1954, Sđd, "South-East Asia", Statement By R. Casey, Minister for External Affairs in the House of Representatives on 18 August, 1954, *Current Notes on International Affairs*, Vol. 24 (1953), tr. 576.

(18). Mc O'Neil, "Australia and Vietnam", *Australia's Neighbours,* 77, September-October 1971, tr. 3.

(19). "*Geneva Conference*", Statement by Casey, the Minister for External Affairs on 7 June 1954, *Current Notes* ..., Sđd, Vol. 25 (1954), tr. 412.

(20). Xem: *Current Notes.....*, Sđd, Vol. 25 (1954), tr. 412, 413, 468, 469, 574-482.

(21). Xem: *Current Notes.....*, Sđd, Vol. 25 (1954), tr. 679.

(22). *Pentagon Papers...*, Sđd, tr. 14.

(23). McTurnan Kahin và J. Lewis, *The United in Vietnam...*, Sđd, tr. 61.

(24), (25), (27), (28). "South - East Asia", Statement By R. Casey, Minister for External Affairs in the House of Representatives on 18 August, 1954, *Current Notes on International Affairs*, Vol. 24 (1953), tr. 579, 580, 580, 580.

(26). "Korea and Indo-China" Statement by Casey, the Minister for External Affairs, on 10 May 1953, *Current Notes* ... Vol. 24 (1953), tr. 289.

(29). Mackie J. C., "Australia and South East Asia", trong *Agenda for the Eighties: Context of Australia's Choices in Foreign and Defence Policy*, Australian National University Press, Canberra, 1980, tr. 130.